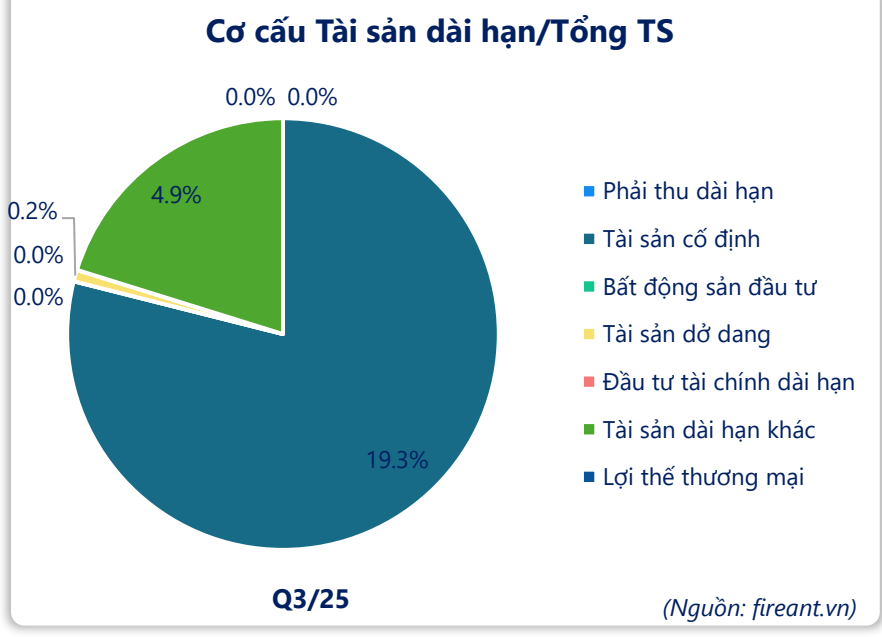
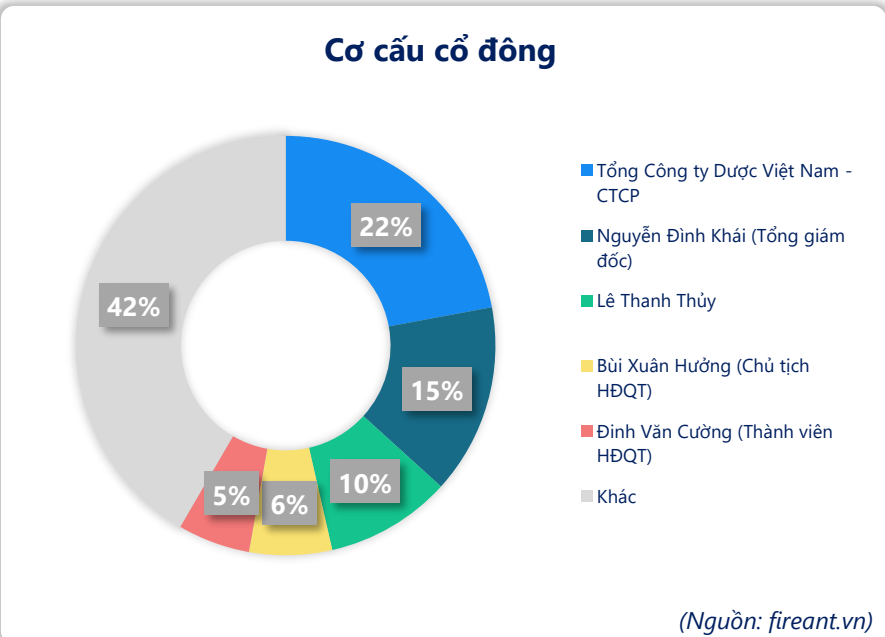
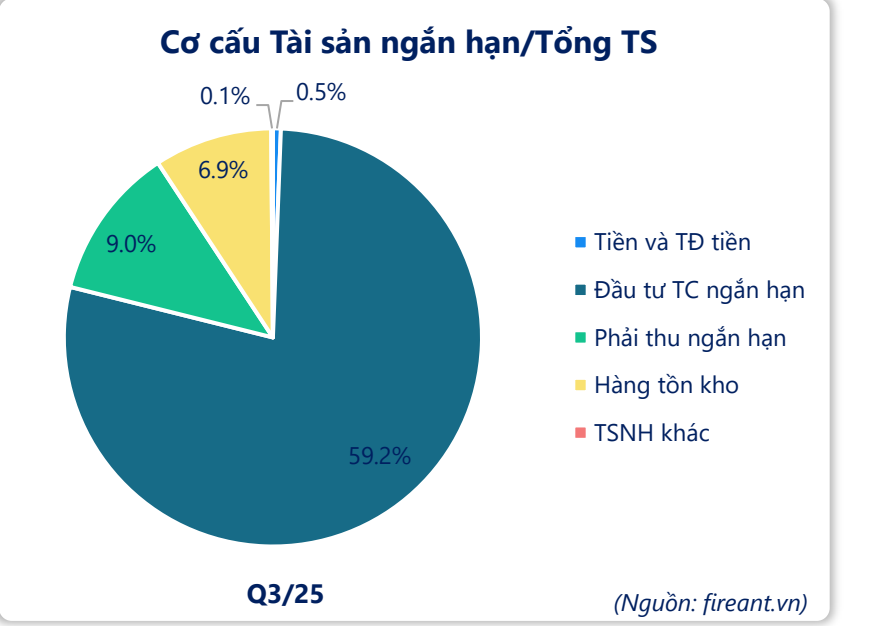
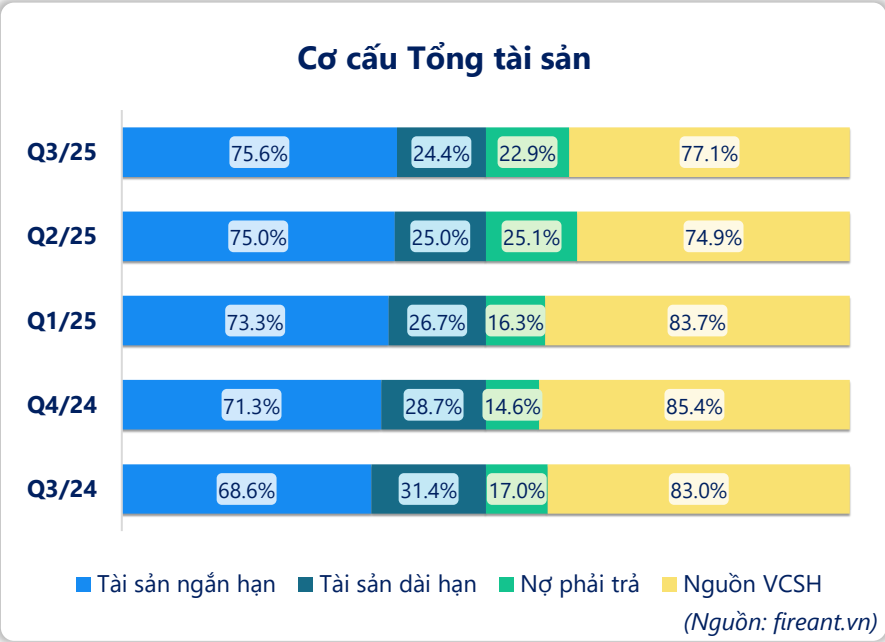
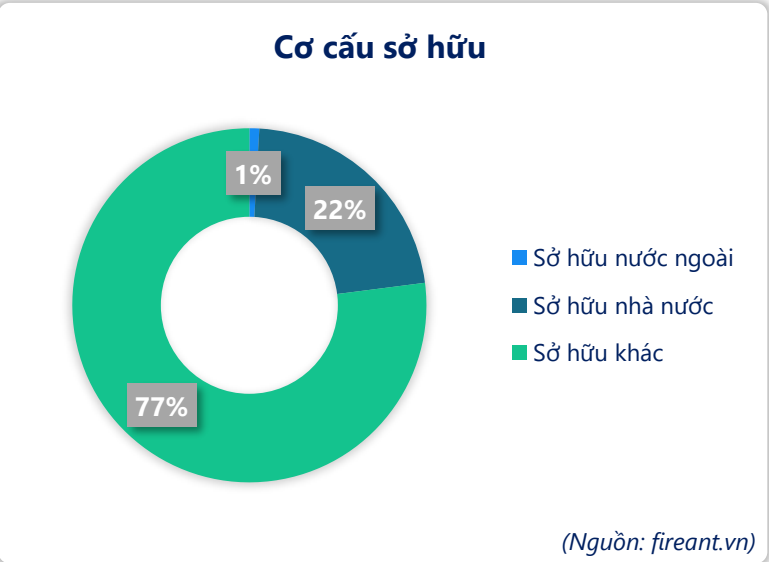
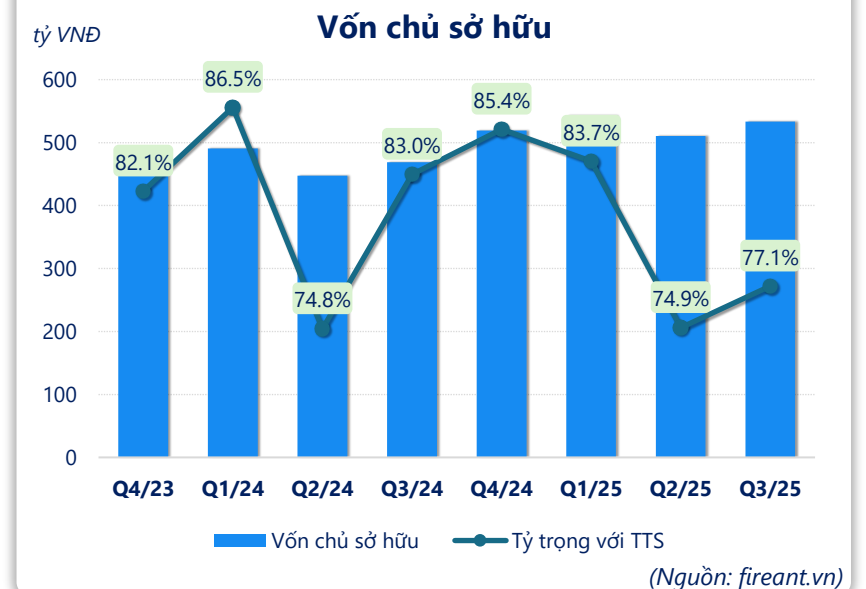
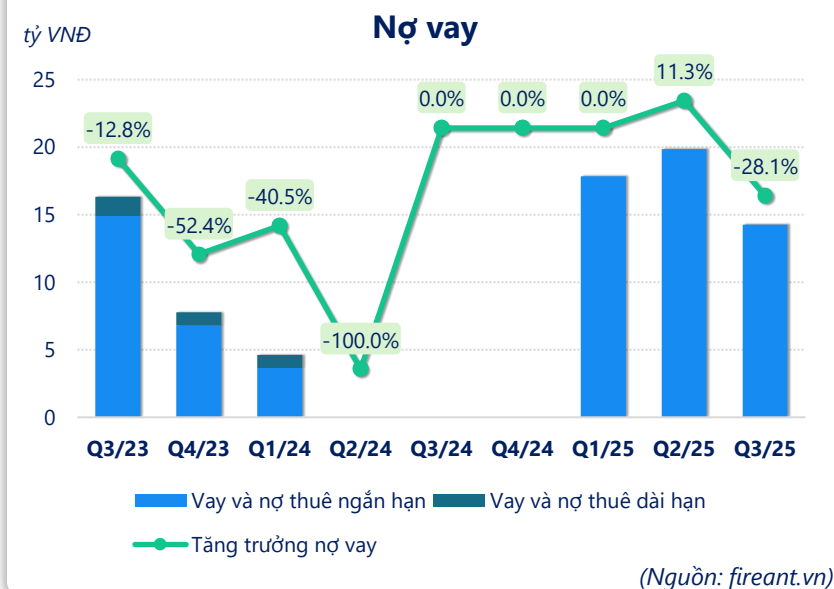
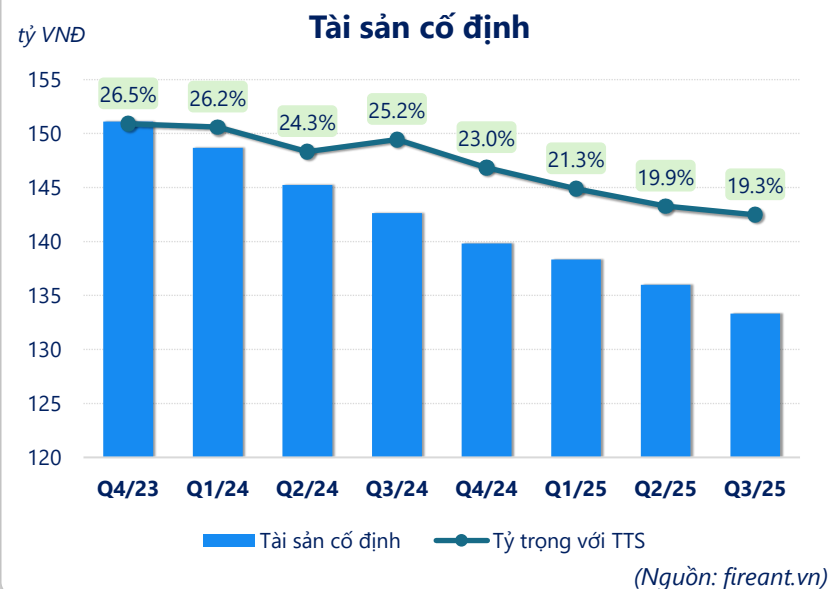
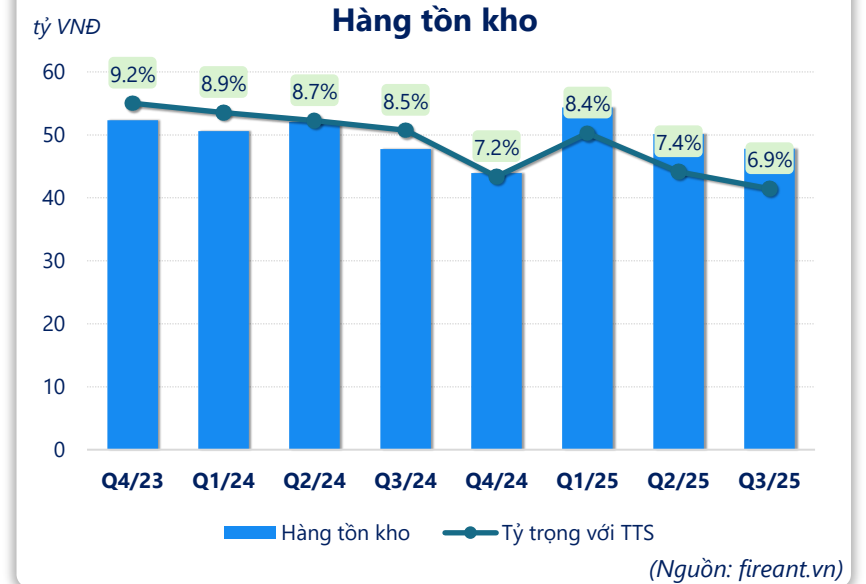
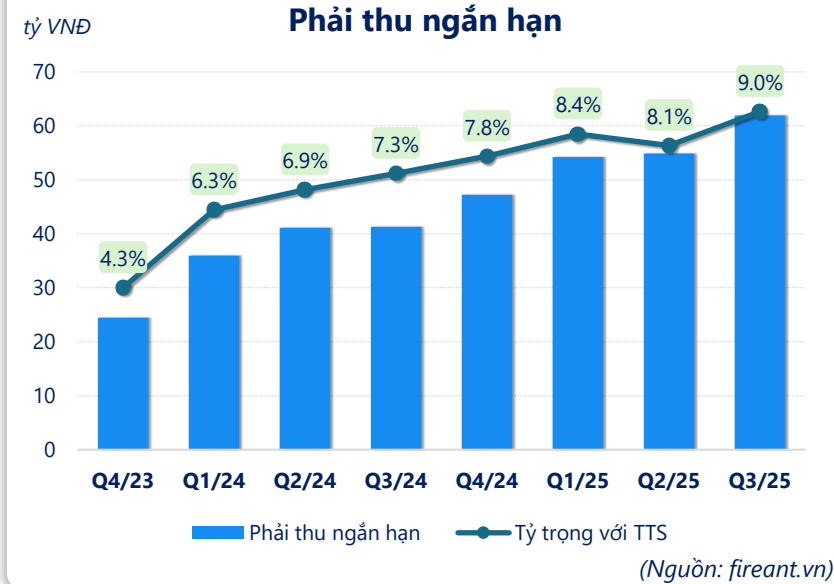
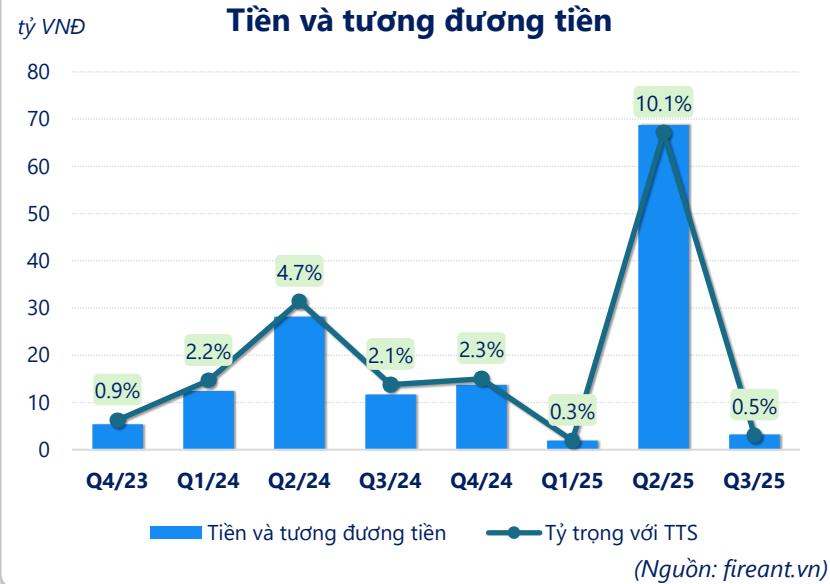
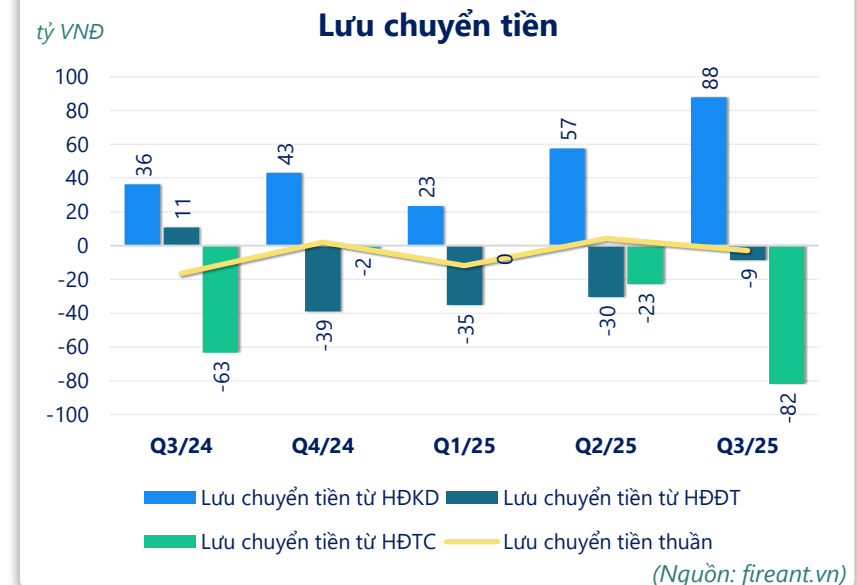
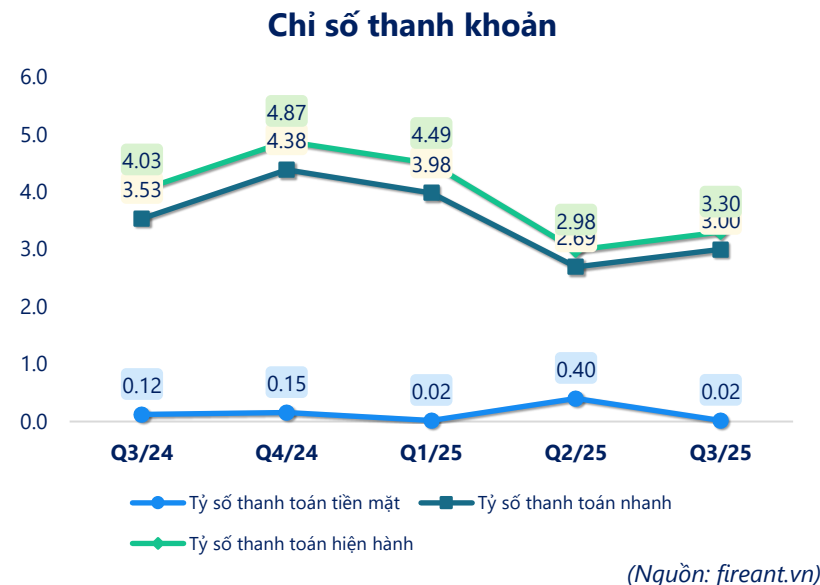
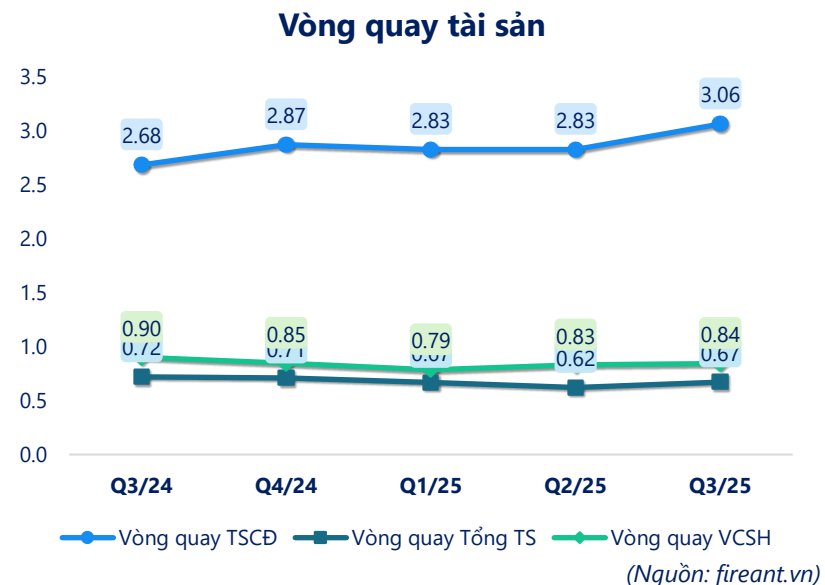
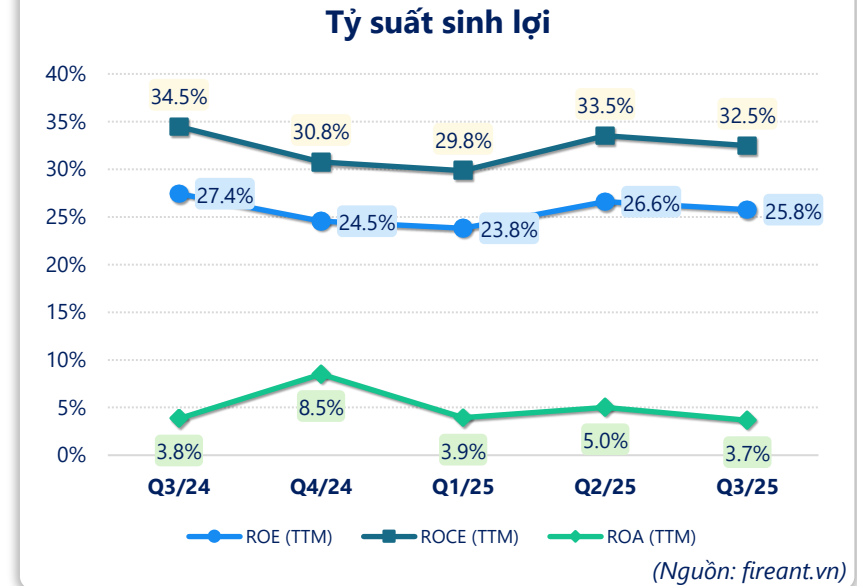
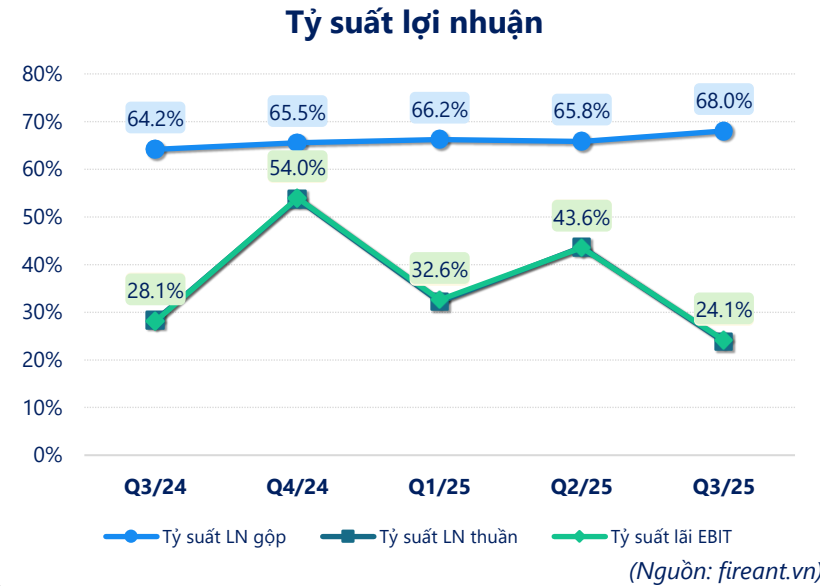
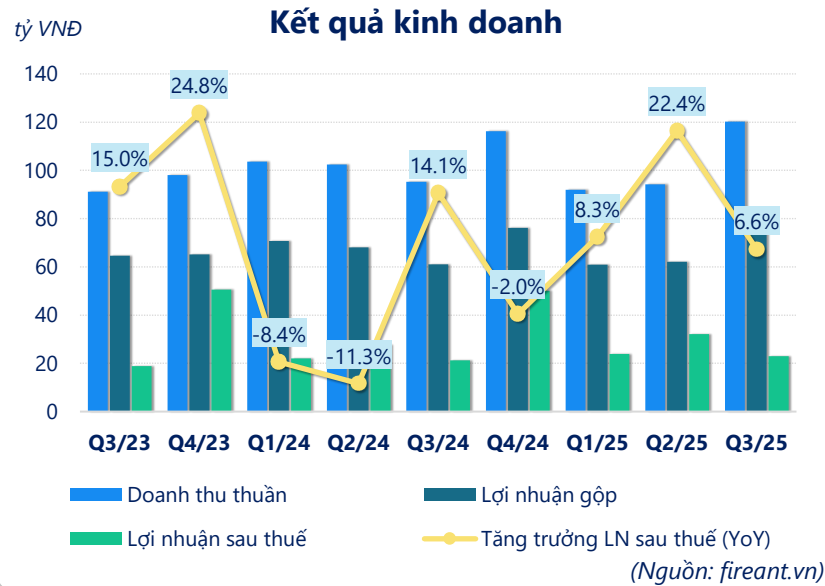


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		53,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		59,761
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		51,700
SL cổ phiếu LH		21,499,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,420
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,150
P/E		8.9
EPS		6,004

	YTD	1T	3T	6T
DP3	-2.7%	2.7%	0.2%	-8.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	692	608	13.9%
Tài sản ngắn hạn	523	433	20.7%
Tiền và tương đương tiền	3.20	13.7	-76.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	410	328	24.9%
Phải thu ngắn hạn	62.0	47.2	31.2%
Hàng tồn kho	47.8	43.9	8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.50	41.3%
Tài sản dài hạn	169	174	-3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	133	140	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.47	0.12	1125%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	34.1	34.5	-1.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	159	88.9	78.5%
Nợ ngắn hạn	159	88.9	78.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	7.64	81.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	533	519	2.8%
Vốn chủ sở hữu	533	519	2.8%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	95.2	116	91.9	94.2	120
Giá vốn hàng bán	34.1	40.1	31.0	32.2	38.4
Lợi nhuận gộp	61.1	76.1	60.9	62.0	81.8
Doanh thu HĐTC	0.85	6.94	1.27	9.24	1.78
Chi phí TC	0	0.06	0.06	0.30	0.17
Chi phí lãi vay	0	0	0.06	0.24	0.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.6	-1.61	27.7	23.7	45.3
Chi phí QLDN	5.41	22.2	4.75	6.16	9.45
LN thuần từ HĐKD	27.0	62.5	29.6	41.1	28.6
Lợi nhuận khác	-0.20	0.23	0.32	-0.32	0.23
LN trước thuế	26.8	62.7	29.9	40.8	28.8
Lợi nhuận sau thuế	21.3	50.1	23.9	32.1	23.0
LNST của CĐ cty mẹ	21.3	50.1	23.9	32.1	23.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.2	43.1	23.4	57.5	87.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.6	-39.0	-35.2	-30.5	-8.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-63.3	-2.03	-0.01	-22.8	-82.0
Tiền đầu kỳ	28.2	11.7	13.7	1.89	6.09
Lưu chuyển tiền thuần	-16.5	2.02	-11.8	4.20	-2.90
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	11.7	13.7	1.89	6.09	3.20

(Nguồn: fireant.vn)